

Số: /BC-BNN-CN

Hà Nội, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tác động của chính sách tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 được Quốc hội khóa XIV ban hành ngày 19/11/2018 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2020. Thực hiện quy định của Luật Chăn nuôi giao Chính phủ quy định chi tiết, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2021 hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi (sau đây gọi tắt là Nghị định số 13/2020/NĐ-CP).

Sau gần 02 năm triển khai thực hiện, các quy định tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP đã thực sự đi vào cuộc sống, tạo khung pháp lý quan trọng trong quản lý nhà nước về chăn nuôi, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân hoạt động trong chăn nuôi, đồng thời phát huy hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về chăn nuôi. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Nghị định số 13/2020/NĐ-CP một số tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị nghiên cứu, xem xét quy định về (1) Giấy chứng nhận lưu hành tự do hoặc văn bản có giá trị tương đương (CFS) tại điểm c khoản 3 Điều 18 và (2) Cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam tại khoản 2 Điều 29. Bộ Nông nghiệp và PTNT đã báo cáo Chính phủ về những nội dung này. Ngày 11/6/2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 91/NQ-CP về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5/2020, trong đó ngưng hiệu lực thi hành điểm c khoản 3 Điều 18 và khoản 2 Điều 29, đồng thời yêu cầu rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 13/2020/NĐ-CP.

Ngày 01/01/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết 02/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021 và Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025.

Ngày 06/10/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1520/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045.

Luật Đầu tư năm 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, trong đó Phụ lục IV quy định “149. Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi” và “177. Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi” là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Do đó, cần triển khai sửa đổi quy định về sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

Xuất phát từ những lý do trên, việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi là rất cần thiết.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

a) Mục tiêu tổng thể:

Việc xây dựng dự thảo Nghị định này nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về chăn nuôi, tạo cơ sở pháp lý chung, áp dụng thống nhất giữa tổ chức, cá nhân hoạt động trong chăn nuôi và cơ quan quản lý nhà nước, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác quản lý về chăn nuôi.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung bất cập trong triển khai thực hiện liên quan đến thức ăn chăn nuôi, cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống vào Việt Nam.

- Sửa đổi, bổ sung nội dung quy định quản lý liên quan đến sản phẩm, cơ sở sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. Đây là nội dung mới cần quy định nhằm cụ thể hóa nội dung quy định tại Phụ lục IV Luật Đầu tư năm 2020.

3. Phạm vi đánh giá tác động

Do thời điểm thực hiện đánh giá này rất ngắn, mặt khác, việc đánh giá cũng được tiến hành trong bối cảnh nhiều quy định, phương án trong dự thảo Nghị định vẫn đang trong quá trình nghiên cứu, chỉnh sửa và có thể còn có nhiều thay đổi lớn nên những đánh giá trong Báo cáo này có thể sẽ không phản ánh hết những tác động của các quy định trong dự thảo Nghị định.

Tác động của chính sách trong dự thảo Nghị định được đánh giá gồm: (i) tác động về kinh tế, (ii) tác động về xã hội, (iii) tác động đối với hệ thống pháp luật.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Hoàn thiện quy định của pháp luật về quản lý thức ăn chăn nuôi

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Sau gần 02 năm thực hiện quy định quản lý thức ăn chăn nuôi tại Chương III của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, một số nội dung cần được điều chỉnh để phù hợp hơn với: (1) Hệ thống văn bản cấp trên (Luật Chăn nuôi, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Ngoại thương..); (2) Thực tiễn sản xuất chăn nuôi tại Việt Nam; (3) Thông lệ quốc tế và (4) Chủ trương của Chính phủ về cải cách hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

- Luật Chăn nuôi quy định cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn theo đơn đặt hàng phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất. Tuy nhiên, trong thực tế có nhiều cơ sở sản xuất thực phẩm có sản phẩm thực phẩm và phụ phẩm từ quá trình sản xuất thực phẩm cũng được dùng trực tiếp làm thức ăn chăn nuôi (ví dụ đường ăn, muối ăn, sữa bột, mỳ chính, tấm, gạo...). Những cơ sở này khi sản xuất kinh doanh cũng phải đáp ứng quy định pháp luật về an toàn thực phẩm, có nghĩa là đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý, giám sát điều kiện sản xuất. Vì vậy, để đơn giản hóa thủ tục hành chính, cần bổ sung đối tượng này vào trường hợp được miễn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.

- Điểm c khoản 3 Điều 18 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP quy định một trong những thành phần hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn truyền thống và nguyên liệu đơn là Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ cấp. Trong thời gian qua, khi thực hiện quy định này, nhiều doanh nghiệp nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, nhất thức ăn chăn nuôi truyền thống phản ánh rất khó xin cấp CFS đối với một số mặt hàng như ngô, khô đậu tương, đậu tương... tại nước xuất khẩu. Hơn nữa, cơ quan kiểm tra gặp khó khăn trong việc xác định tính phù hợp của văn bản có giá trị tương đương. Vì vậy, Nghị quyết 91/NQ-CP ngày 10/6/2020 của Chính phủ về phiên họp thường kỳ tháng 5/2020 đã cho phép tạm ngưng hiệu lực thi hành của điểm c khoản 3 Điều 18 cho đến khi có quy định mới. Sau hơn 1 năm tạm ngưng quy định về CFS, chưa phát hiện trường hợp vi phạm nghiêm trọng về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu do không có CFS. Do đó, cần nghiên cứu bãi bỏ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 18 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP về CFS trong hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng TACN nhập khẩu đối với thức ăn truyền thống và nguyên liệu đơn.

- Trong những năm vừa qua, mỗi năm Việt nam nhập khẩu khoảng 20 triệu tấn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (tương đương 70% tổng nhu cầu thức ăn tinh của cả nước). Quy định kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu bằng biện pháp tiền kiểm đã được thực hiện từ ngày 01/7/2012 theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Trong quá trình thực hiện đã phát hiện nhiều lô hàng thức ăn chăn nuôi vi phạm chất lượng phải xử lý vi phạm hành chính. Ví dụ năm 2017 phát hiện 59 lô vi phạm, xử phạt 2.020 triệu đồng, tái xuất và tiêu hủy 23 lô, trong đó có 3 lô thức ăn là hàng giả; năm 2018 phát hiện 55 lô vi phạm, phạt 2.199 triệu đồng, tiêu hủy và tái xuất 24 lô trong đó có 7 lô là hàng giả, có 7 lô bột thịt xương và bột gia cầm nhiễm Salmonella phải tái chế. Đặc biệt, đã phát hiện nhiều lô axit amin tổng hợp (Lysin, Methionin, Threonine) giá trị hàng tỷ đồng là hàng giả. Tuy nhiên, theo chỉ đạo của Chính phủ tại Quyết định 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021, việc kiểm tra chuyên ngành hàng hóa nhập khẩu nói chung (trong đó có thức ăn chăn nuôi) sẽ được quy định tại Nghị định chung quy định cơ chế quản lý, phương thức, trình tự, thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng và kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu do Bộ Tài chính chủ trì xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị định kiểm tra nhập khẩu). Cách tiếp cận của dự thảo Nghị định kiểm tra nhập khẩu là chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm, nhằm tạo sự chủ động kiểm soát chất lượng, cắt giảm thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian thông quan cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, để giảm bớt rủi ro thức ăn chăn nuôi nhập khẩu không đạt chất lượng và nâng cao ý thức trách nhiệm của doanh nghiệp nhập khẩu, cần nghiên cứu, bổ sung quy định “Kiểm tra nhà nước chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu sau thông quan” nhằm thống nhất phương pháp kiểm soát chất lượng thức ăn nhập khẩu trên toàn quốc, nhưng vẫn bảo đảm được công tác kiểm tra theo Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Chăn nuôi; ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp lợi dụng quy định thông thoáng của nhà nước để đưa hàng giả, hàng kém chất lượng vào trong nước tiêu thụ. Để thực hiện quy định này, cần có sự đầu tư nguồn lực từ ngân sách nhà nước ở cấp trung ương và địa phương, thay cho nguồn lực kiểm tra theo biện pháp tiền kiểm do doanh nghiệp chi trả theo các quy định trước đây. Vì vậy, cần nghiên cứu, bổ sung quy định kiểm tra nhà nước chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu sau thông quan (chỉ áp dụng với trường hợp thức ăn chăn nuôi không được lấy mẫu kiểm tra chất lượng khi làm thủ tục nhập khẩu).

- Ngoài 3 nội dung chính nêu trên, cũng cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm làm rõ ý hơn, tạo sự thống nhất trong thực thi quy định nhưng không làm thay đổi nội dung quản lý.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính về cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủ tục đăng ký kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu cho doanh nghiệp.

- Đảm bảo duy trì biện pháp kiểm soát chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu, thống nhất biện pháp thực thi từ trung ương đến địa phương, kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp nhập khẩu thức ăn chăn nuôi không bảo đảm chất lượng, nhất là thức ăn chăn nuôi giả.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

* **Giải pháp 1A:** Giữ nguyên hiện trạng (không sửa đổi, bổ sung, giữ nguyên các quy định hiện hành về thức ăn chăn nuôi tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP).

* **Giải pháp 1B:** Sửa đổi quy định theo hướng:

- Bổ sung quy định miễn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thực phẩm đáp ứng các quy định của pháp luật Việt Nam về an toàn thực phẩm.

- Bãi bỏ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 18 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP về Giấy chứng nhận lưu hành tự do hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ cấp trong hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với nguyên liệu đơn, thức ăn truyền thống.

- Bổ sung quy định kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu sau thông quan.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về đánh giá để thừa nhận phương pháp thử nghiệm của phòng thử nghiệm nước xuất khẩu, quy trình khảo nghiệm và công nhận thức ăn chăn nuôi của nước xuất khẩu chi tiết, cụ thể hơn.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

* **Đối với giải pháp 1A:**

- *Tác động về kinh tế:*

Việc giữ nguyên quy định về quản lý thức ăn chăn nuôi tại Nghị định 13/2020/NĐ-CP sẽ phát sinh chi phí và rủi ro như sau:

+ Những cơ sở sản xuất thực phẩm thương mại phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sẽ phải chi phí tối thiểu 5.700 nghìn đồng/cơ sở, thực hiện đánh giá giám sát định kỳ 2 năm 1 lần với chi phí tối thiểu 4.300 nghìn đồng/cơ sở (Theo quy định tại Thông tư 24/2021/TT-BTC về phí trong lĩnh vực chăn nuôi). Bên cạnh đó, cơ quan nhà nước quản lý chuyên ngành về chăn nuôi cũng phải bố trí cán bộ, thời gian tổ chức đoàn đánh giá tại cơ sở, tạo nên sự chòng chẹo giữa đoàn đánh giá lĩnh vực an toàn thực phẩm và đoàn đánh giá lĩnh vực chăn nuôi.

+ Tổng số hồ sơ đăng ký kiểm tra thức ăn chăn nuôi truyền thống và nguyên liệu đơn nhập khẩu là 60.000 hồ sơ/năm, trong đó khoảng 10% (6.000 hồ sơ) hồ sơ khó xin được cấp CFS hoặc được cấp CFS tại nước xuất xứ không đúng thời hạn. Như vậy những lô hàng này sẽ chậm thông quan, doanh nghiệp phải trả thêm chi phí lưu công, lưu kho, lưu bãi.

+ Không bổ sung quy định kiểm tra chất lượng TACN nhập khẩu sau thông quan sẽ sinh ra rủi ro thức ăn chăn nuôi giả, kém chất lượng nhập khẩu vào Việt Nam, từ đó làm giảm năng suất chăn nuôi và ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm sản phẩm chăn nuôi.

- Tác động về xã hội:

Nếu không sửa đổi bổ sung các quy định nêu trên thì: (1) không giải quyết được quy định chồng chéo giữa các lĩnh vực quản lý, gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân kinh doanh và cơ quan quản lý đối với doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi sử dụng sản phẩm thực phẩm làm thức ăn chăn nuôi và doanh nghiệp sản xuất thực phẩm được dùng làm thức ăn chăn nuôi; (2) sẽ tiếp tục dẫn đến kiến nghị của doanh nghiệp trong nước và tổ chức nước ngoài đối với quy định CFS và (3) chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu sẽ khó được kiểm soát do doanh nghiệp sẽ lợi dụng sự thông thoáng của nhà nước, từ đó sẽ sinh ra hậu quả là các vụ tranh chấp chất lượng hàng hóa có thể xảy ra.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Nếu không sửa đổi bổ sung các quy định nêu trên thì các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi sẽ không đủ căn cứ để mua sản phẩm thực phẩm về sản xuất. Các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm vô tình rơi vào vi phạm hành chính vì sản xuất khi chưa được cấp Giấy chứng nhận. Các cơ quan quản lý nhà nước sẽ lúng túng trong thực thi nhất là áp dụng Nghị định xử phạt hành chính về điều kiện sản xuất. Doanh nghiệp nhập khẩu nếu khó xin cấp CFS sẽ tiếp tục kiến nghị. Nếu không quy định kiểm tra chất lượng TACN nhập khẩu sau thông quan, việc kiểm soát chất lượng thức ăn nhập khẩu tại địa phương sẽ không được quan tâm hoặc mỗi nơi thực hiện một kiểu, như vậy không đảm bảo được hiệu quả của công tác quản lý chất lượng thức ăn chăn nuôi.

*** Đối với giải pháp 1B:**

- Tác động về kinh tế:

Doanh nghiệp sẽ tiết kiệm được nguồn lực tài chính vì: (1) không phải chi phí đăng ký cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất; (2) không phải chờ xin cấp CFS từ nước xuất khẩu do đó hàng hóa được thông quan nhanh chóng, giảm chi phí lưu công, lưu kho, lưu bãi. Đối với cơ quan nhà nước sẽ (1) tiết kiệm được nguồn lực về nhân lực, thời gian trong thẩm định hồ sơ, tổ chức

đánh giá điều kiện và (4) công tác kiểm soát được chất lượng TACN được thực hiện một cách hiệu quả, thống nhất toàn quốc.

- Tác động về xã hội:

Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu TACN, thực phẩm yên tâm sản xuất, kinh doanh. Cơ quan nhà nước có nguồn lực thực hiện kiểm soát chất lượng TACN vừa bảo đảm thống nhất toàn quốc vừa bảo đảm công tác được triển khai hiệu quả. Từ đó tạo nên sự ổn định thị trường, hạn chế khiếu nại, khiếu kiện hoặc tranh chấp về chất lượng thức ăn chăn nuôi.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Việc thực thi quy định quản lý nhà nước thức ăn chăn nuôi được thống nhất giữa các Luật, Nghị định. Khắc phục được tình trạng chồng chéo quy định, nhất là giữa pháp luật về an toàn thực phẩm với Luật Chăn nuôi, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề).

Trên cơ sở đánh giá những tác động về kinh tế, xã hội, pháp luật, cơ quan chủ trì soạn thảo lựa chọn giải pháp 1B để thực hiện xây dựng dự thảo Nghị định này, theo đó cơ quan chủ trì tiếp cận phương thức thừa nhận quy định quản lý của lĩnh vực an toàn thực phẩm về cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất; tiếp thu kiến nghị của doanh nghiệp, tổ chức quốc tế và theo dõi tình hình nhập khẩu thức ăn truyền thống, nguyên liệu đơn trong hơn 01 năm qua khi không áp dụng CFS để lựa chọn bãi bỏ quy định này. Đối với việc kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu, cơ quan chủ trì lựa chọn biện pháp hậu kiểm, huy động sự tham gia của cơ quan trung ương và địa phương, đưa ra các quy định nguyên tắc để thống nhất triển khai trên toàn quốc.

2. Chính sách 2: Hoàn thiện quy định của pháp luật về quản lý vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Khoản 5 Điều 78 Luật Chăn nuôi giao Chính phủ quy định cửa khẩu được phép tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam. Theo đó, khoản 2 Điều 29 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP quy định cụ thể các cửa khẩu được phép tiếp nhận vật nuôi sống vào Việt Nam nhằm mục đích quản lý tốt công tác kiểm soát dịch bệnh trong hoạt động nhập khẩu vật nuôi sống như nhiều nước trên thế giới đang áp dụng. Cụ thể, Nghị định đang giới hạn 10 cửa khẩu đường bộ, 07 cảng biển và 03 cửa khẩu hàng không phân bố đều khắp 3 miền Bắc, Trung, Nam.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, Bộ

Nông nghiệp và PTNT nhận được kiến nghị của một số doanh nghiệp, địa phương cho rằng đây là vấn đề mới và phần lớn cửa khẩu, cảng biển Việt Nam chưa có hạ tầng dành riêng cho nuôi cách ly động vật nhập khẩu (thường là 45 ngày) trước khi thông quan: quy định danh mục một số cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam chưa bao quát hết các cửa khẩu mà doanh nghiệp đang nhập khẩu hiện nay nên các đơn vị nhập khẩu phải vận chuyển động vật sống nhập khẩu đi quá xa tới nơi nuôi cách ly, làm tăng nguy cơ phát tán và lây lan dịch bệnh, tăng chi phí vận chuyển.

Do đó, cần nghiên cứu, sửa đổi quy định về cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam cho phù hợp với tình hình thực tế về nhập khẩu của doanh nghiệp cũng như công tác kiểm dịch động vật đối với vật nuôi sống nhập khẩu.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu vật nuôi sống vào Việt Nam, giảm chi phí vận chuyển vật nuôi, bảo đảm an toàn dịch bệnh cho người và vật nuôi

- Bảo đảm duy trì biện pháp kiểm dịch vật nuôi nhập khẩu, thống nhất biện pháp thực thi từ trung ương đến địa phương, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các trường hợp nhập khẩu vật nuôi không đảm bảo an toàn dịch bệnh vào Việt Nam.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- * **Giải pháp 2A:** Giữ nguyên hiện trạng (không sửa đổi, bổ sung, giữ nguyên các quy định hiện hành về quản lý vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam.

- * **Giải pháp 2B:** Sửa đổi quy định theo hướng quy định tiêu chí cửa khẩu được phép tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

*** Đối với giải pháp 2A:**

- *Tác động về kinh tế:* Việc giữ nguyên hiện trạng (không sửa đổi, bổ sung, giữ nguyên các quy định hiện hành về quản lý vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP).

Nếu chỉ quy định một số cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam như tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP thì một số doanh nghiệp nhập khẩu phải vận chuyển vật nuôi sống nhập khẩu đi quá xa cửa khẩu để tới nơi nuôi

cách ly, làm phát sinh thêm chi phí vận chuyển, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Tác động về xã hội:* Việc quy định một số cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam như tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP có thể làm tăng nguy cơ phát tán, lây lan dịch bệnh trong quá trình vận chuyển vật nuôi sống đến địa điểm nuôi cách ly mà doanh nghiệp đã bố trí từ trước đó. Đồng thời, có thể gây tác động tiêu cực đến dư luận xã hội, ảnh hưởng xấu đến đời sống, hoạt động chăn nuôi của người dân.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Nếu không sửa đổi các quy định về cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam thì sẽ tạo ra rào cản cho các doanh nghiệp không thể nhập khẩu vật nuôi sống vào các cửa khẩu gần nơi nuôi cách ly của doanh nghiệp.

*** Đối với giải pháp 2B:**

- *Tác động về kinh tế:* không quy định cụ thể tên các cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống, chỉ quy định tiêu chí của các cửa khẩu được phép tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhập khẩu vật nuôi sống vào các cửa khẩu gần nơi doanh nghiệp bố trí nuôi cách ly, tiết kiệm chi phí vận chuyển, góp phần giảm giá thành sản phẩm chăn nuôi, nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm chăn nuôi trong nước.

- *Tác động về xã hội:* không quy định cụ thể tên các cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu sẽ giải quyết được những vướng mắc, bất cập phát sinh trong thực tiễn tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu trong thời gian qua; doanh nghiệp được nhập khẩu vật nuôi sống vào các cửa khẩu gần nơi nuôi cách ly nên hạn chế tới mức thấp nhất khả năng phát tán, lây lan dịch bệnh, gây tác động tích cực đến dư luận xã hội, hoạt động chăn nuôi của người dân. Bảo vệ quyền tiếp cận đa dạng sản phẩm chăn nuôi với giá cả cạnh tranh của người tiêu dùng.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

Việc quy định tiêu chí các cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống sẽ giải quyết được những vướng mắc, bất cập đã và đang phát sinh trên thực tế nhập khẩu vật nuôi sống, hạn chế các rào cản trong sản xuất, kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhập khẩu vật nuôi sống vào Việt Nam, qua đó, nâng cao sức cạnh tranh và chất lượng sản phẩm chăn nuôi trong nước.

Quy định tiêu chí các cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống vào Việt Nam phù hợp với các quy định của Luật Chăn nuôi và hệ thống pháp luật về hải quan, giao thông vận tải.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề).

Trên cơ sở đánh giá những tác động về kinh tế, xã hội, pháp luật, cơ quan chủ trì soạn thảo lựa chọn giải pháp 2B để thực hiện xây dựng dự thảo Nghị định này, theo đó cơ quan chủ trì tiếp cận phương thức chỉ quy định các tiêu chí của cửa nhập khẩu vật nuôi sống; không quy định cụ thể tên các cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam trên cơ sở tiếp thu kiến nghị của doanh nghiệp, tổ chức quốc tế và theo dõi tình hình nhập khẩu vật nuôi sống trong thời gian qua để lựa chọn điều chỉnh, thay thế quy định này.

3. Chính sách 3: Hoàn thiện quy định của pháp luật về quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật Đầu tư năm 2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021 tại số thứ tự 149 và 177 Phụ lục IV quy định ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện bao gồm:

“149. Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi;

177. Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi”.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật này “Điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề quy định tại khoản 2 Điều này được quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên”. Hiện nay, việc quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi được quy định tại Điều 62 và Điều 63 Luật Chăn nuôi và giao Chính phủ quy định chi tiết tại Điều 30, 31 và 32 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. Tuy nhiên, các nội dung này đều được ban hành trước khi Luật Đầu tư năm 2020 có hiệu lực thi hành, vì vậy cần nghiên cứu, sửa đổi quy định về quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP cho phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư năm 2020.

Hơn nữa, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi cũng tương tự như các loại vật tư khác trong nông nghiệp như sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi, tuy nhiên quy định, cách thức quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi còn thiếu, chưa đồng nhất với các loại vật tư khác. Do đó, để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, sự cạnh tranh bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các loại vật tư nông nghiệp, tránh việc “lách luật” để thực hiện hành vi vi phạm thì cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định về sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại Nghị định

số 13/2020/NĐ-CP cho phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu quản lý.

Cụ thể như sau:

- Pháp luật yêu cầu sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, thức ăn thủy sản (Luật Thủy sản, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP), thức ăn chăn nuôi (Luật Chăn nuôi, Nghị định số 13/2020/NĐ-CP) phải được sản xuất ở cơ sở đủ điều kiện, các cơ sở này phải được đánh giá và cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất. Đồng thời, được giám sát, duy trì điều kiện trong suốt quá trình sản xuất. Do đó, cần nghiên cứu, bổ sung các quy định về sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi phải được sản xuất tại cơ sở được đánh giá và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. Bổ sung quy định về cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi và kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về công bố thông tin sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi theo hướng lược bỏ các tài liệu, hồ sơ không cần thiết, quy định cụ thể hơn về tài liệu, hồ sơ cần chuẩn bị để tạo điều kiện cho việc công bố thông tin sản phẩm được dễ dàng, thuận lợi theo chỉ đạo của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính.

- Nghiên cứu, bổ sung quy định “*Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật được phép sử dụng trong sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại Việt Nam*” để yêu cầu phải khảo nghiệm đối với sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi lần đầu được sản xuất hoặc nhập khẩu vào Việt Nam có chứa chất mới. Kết quả sau khi kết thúc khảo nghiệm sẽ được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận và bổ sung vào Danh mục.

- Nghiên cứu, bổ sung toàn diện, đầy đủ các quy định về sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi để hoàn thiện hành lang pháp lý và thực hiện quản lý thống nhất trong phạm vi cả nước, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm này. Để bảo đảm cách thức quản lý tương đồng với các loại vật tư khác trong nông nghiệp, cần nghiên cứu, bổ sung các quy định về điều kiện cơ sở mua bán, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; xử lý kết quả thử nghiệm về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi, các hình thức xử lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi vi phạm chất lượng; quyền và nghĩa vụ của cơ sở sản xuất, mua bán, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong quá trình triển khai thực thi các quy định tại Luật Chăn nuôi, Luật Đầu tư liên quan đến quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

* **Giải pháp 3A:** Giữ nguyên hiện trạng (không sửa đổi, bổ sung, giữ nguyên các quy định hiện hành về quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP).

* **Giải pháp 3B:** Sửa đổi quy định theo hướng quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi theo chuỗi sản xuất, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với quy định tại Luật Đầu tư năm 2020. Trong đó, tập trung quản lý các rủi ro liên quan đến quá trình sản xuất, lưu hành và sử dụng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. Bao gồm các vấn đề:

- Một là, quy định về cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi và kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở.

- Hai là, quy định về quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới thông qua việc công nhận kết quả khảo nghiệm và đưa vào Danh mục hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật được phép sử dụng trong sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại Việt Nam.

- Ba là, quy định về quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn công bố áp dụng và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

- Bốn là, quy định về công bố thông tin sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi theo hướng lược bỏ các tài liệu, hồ sơ không cần thiết, quy định cụ thể hơn về tài liệu, hồ sơ cần chuẩn bị để tạo điều kiện cho việc công bố thông tin sản phẩm được dễ dàng, thuận lợi theo chỉ đạo của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính.

- Quy định về điều kiện cơ sở mua bán, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn; xử lý kết quả thử nghiệm về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi, các hình thức xử lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi vi phạm chất lượng; quyền và nghĩa vụ của cơ sở sản xuất, mua bán, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

*** Đối với giải pháp 3A:**

- *Tác động về kinh tế:* Việc giữ nguyên hiện trạng (không sửa đổi, bổ sung, giữ nguyên các quy định hiện hành về quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP), không quy định thêm các biện pháp cụ thể để quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi sẽ không phát sinh kinh phí từ ngân

sách nhà nước cho công tác nghiên cứu, ban hành văn bản pháp luật, chi phí, thời gian, nhân lực cho công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn áp dụng pháp luật sau khi chính sách được thông qua.

Tuy nhiên, việc không bổ sung các quy định hướng dẫn cụ thể, chi tiết, rõ ràng một số nội dung về quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi sẽ không giải quyết được việc bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong quá trình triển khai thực thi các quy định tại Luật Chăn nuôi, Luật Đầu tư liên quan đến quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; giải quyết các vướng mắc, bất cập trong thực tiễn, việc quản lý sản phẩm chất thải chăn nuôi không hiệu quả và về lâu dài sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh, sử dụng các loại vật tư trong nông nghiệp.

- *Tác động về xã hội:* Nếu không quy định các biện pháp cụ thể để quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi sẽ không kiểm soát được chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi dẫn đến khó khăn trong kiểm soát chất lượng sản phẩm chăn nuôi, có thể ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Việc không quy định các biện pháp cụ thể để quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi sẽ không bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; không có sự tương đồng trong các quy định của pháp luật về quản lý các loại vật tư nông nghiệp có tính chất giống nhau. Bên cạnh đó, không có các quy định cụ thể về vấn đề này sẽ tạo khoảng trống pháp lý, không có căn cứ để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn, từ đó, ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với loại sản phẩm này.

*** Đối với giải pháp 3B:**

- *Tác động về kinh tế:*

Việc áp dụng các biện pháp quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi sẽ làm phát sinh chi phí cho công tác nghiên cứu, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bên cạnh việc phải ban hành Thông tư Danh mục hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật được phép sử dụng trong sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại Việt Nam, tuy nhiên chi phí này là không đáng kể, trong khi đó, lợi ích về kinh tế từ giải pháp này đem lại là không nhỏ. Nếu chính sách được thông qua sẽ góp phần làm giảm các chi phí cho việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, bồi thường do môi trường pháp luật công bằng, minh bạch, các tác động tiêu cực, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, doanh nghiệp. Công dân, doanh nghiệp sẽ được hưởng lợi từ việc pháp luật về quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi được thực thi nghiêm túc, đầy đủ. Về lâu dài, các biện pháp cụ thể để quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi sẽ tạo khung pháp lý đầy đủ, tác động tích

cực đến sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, tạo lập môi trường đầu tư và kinh doanh minh bạch, rõ ràng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Tác động về xã hội:

Việc áp dụng các biện pháp quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi nhằm mục đích quản lý chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tốt hơn, an toàn hơn đối với sức khỏe vật nuôi qua đó bảo đảm an toàn sản phẩm chăn nuôi và sức khỏe người tiêu dùng. Tạo lập môi trường sản xuất, kinh doanh minh bạch, bình đẳng để tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các loại vật tư trong nông nghiệp; người dân được sử dụng sản phẩm đạt chất lượng tốt, an toàn, hiệu quả.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Việc quy định về quản lý sản phẩm xử lý chất thải theo phương án này sẽ bổ sung toàn diện, đầy đủ các quy định về sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi để hoàn thiện hành lang pháp lý và thực hiện quản lý thống nhất trong phạm vi cả nước, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm này. Để bảo đảm cách thức quản lý tương đồng với các loại vật tư khác trong nông nghiệp, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, sự cạnh tranh bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các loại vật tư nông nghiệp, tránh việc “lách luật” để thực hiện hành vi vi phạm.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề).

So sánh giữa các nhóm lợi ích cùng với thách thức, quan ngại và chi phí, đề xuất lựa chọn Phương án 3B, bởi lý do sau:

- Giúp cho cơ quản lý nhà nước dễ thực hiện, dễ kiểm soát.
- Bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng, bảo đảm sức khỏe cho vật nuôi và người chăn nuôi.
- Bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, kinh doanh sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi.
- Giảm chi phí thời gian, tài chính cho cơ quan quản lý nhà nước và Doanh nghiệp.
- Bảo đảm cách thức quản lý tương đồng với các loại vật tư khác trong nông nghiệp; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, sự cạnh tranh bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các loại vật tư nông nghiệp, tránh việc “lách luật” để thực hiện hành vi vi phạm.

III. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Tuyên truyền, phổ biến Nghị định

Sau khi Nghị định được ban hành, dự kiến chi cho công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị định gồm in ấn, hội nghị, hội thảo giới thiệu, phổ biến Nghị định. Trong đó, bao gồm cả Ngân sách Nhà nước và huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân có tham gia hỗ trợ.

2. Đối với việc kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu

Thực hiện theo quy định của Luật Phí và lệ phí, cụ thể theo quy định của Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. Các doanh nghiệp phải tự chi trả, không sử dụng đến ngân sách nhà nước. Đồng thời áp dụng hệ thống hải quan “một cửa” quốc gia tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh.

Đối với hoạt động kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm thức ăn chăn nuôi nhập khẩu sau thông quan: hằng năm, cơ quan kiểm tra sẽ xây dựng kế hoạch và kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí chi thường xuyên hành chính về nông nghiệp.

3. Đối với việc nhập khẩu vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam

Thực hiện theo quy định của Luật Phí và lệ phí, cụ thể theo quy định Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. Các doanh nghiệp phải tự chi trả, không sử dụng đến ngân sách nhà nước. Trình tự, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 và Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đồng thời áp dụng hệ thống hải quan “một cửa” quốc gia tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh. Việc thực hiện kiểm dịch vật nuôi sống nhập khẩu được thực hiện bởi hệ thống cơ quan kiểm dịch hiện có của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hiện nay, lực lượng kiểm dịch đã được bố trí ở tất cả các cửa khẩu tiếp nhận sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu. Do đó, khi Nghị định này được thông qua và có hiệu lực thi hành sẽ không phát sinh thêm nhân lực để thực hiện việc kiểm dịch vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam.

4. Đối với việc thực hiện các hoạt động liên quan đến cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi và kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi

Nguồn nhân lực thực hiện các hoạt động này là nhân lực thực hiện công tác quản lý nhà nước lĩnh vực môi trường và công nghệ chăn nuôi hiện có ở Trung ương và địa phương, không làm phát sinh thêm biên chế, bộ máy mới.

Nguồn kinh phí thực hiện các hoạt động này thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí. Theo đó, đối với hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm

nhập khẩu và hoạt động đánh giá cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất sản phẩm, doanh nghiệp phải tự chi trả, không sử dụng đến ngân sách nhà nước.

Đối với hoạt động kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi sản xuất, lưu thông trên thị trường: hằng năm, cơ quan kiểm tra sẽ xây dựng kế hoạch và kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí chi thường xuyên hành chính về nông nghiệp.

IV. Ý KIẾN THAM VẤN

Để xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tác động, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức lấy ý kiến trực tiếp của Ban soạn thảo, Tổ biên tập cũng như lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, ngành, địa phương đối với dự thảo báo cáo. Trên cơ sở ý kiến góp ý, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã nghiên cứu, tiếp thu để hoàn thiện báo cáo.

V. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành các chính sách này./.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2021/NĐ-CP ngày 21/01/2021 hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi./.

Nơi nhận:

- Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tư Pháp (để thẩm định);
- Vụ Nông nghiệp – VPCP (để p/h);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, CN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến